

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 05 - 6 - 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Nghị.
- Ông Nguyễn Minh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Vào 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 511/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, Q hoãn phiên tòa số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà L có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số F ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị L trình bày:

Nguyên vào năm 2015 đến năm 2017, bà L có làm chủ hội 03 dây hội cụ thể như sau:

Dây hụi 200.000 đồng, gồm 27 hụi viên, bà N tham gia 01 phần (trong danh sách hụi tên N), hụi nửa tháng (mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 11 và ngày 26), hụi có huê hồng. Hụi khui lần đầu ngày 11/11/2016 (âm lịch), hốt hụi vào ngày 11/11/2016 (âm lịch), sau đó bà N không đóng hụi chết cho bà L lần nào nữa, tổng số tiền bà N còn nợ bà L trong dây hụi này là 7.050.000 đồng (Bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Dây hụi 200.000 đồng, gồm 50 hụi viên, bà N tham gia 01 phần (trong danh sách hụi tên N), hụi tuần (mỗi tuần khui 01 lần vào ngày chủ nhật), hụi có huê hồng. Hụi khui lần đầu ngày 10/04/2016 (âm lịch), hốt hụi vào ngày 25/04/2016 (âm lịch), sau đó bà H không đóng hụi chết cho bà L lần nào nữa, tổng số tiền bà N còn nợ bà L trong dây hụi này là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Dây tháng 500.000 đồng, gồm 19 hụi viên, bà N tham gia 01 phần (trong danh sách hụi tên N), hụi tháng (mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 20 (âm lịch), hụi có huê hồng. Hụi khui lần đầu ngày 20/11/2016 (âm lịch), hốt hụi vào ngày 20/12/2016 (âm lịch), sau đó bà N không đóng hụi chết cho bà L lần nào nữa, tổng số tiền bà N còn nợ bà L trong dây hụi này là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Qua 03 dây hụi trên bà nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền nợ hụi còn nợ lại bà L số tiền hụi là 11.500.000 đồng, bà L đã trả bà L số tiền trên nhưng bà N hứa hẹn nhiều lần mà không trả.

Nay bà L làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả bà L tổng số tiền hụi của 03 dây hụi trên là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và không giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ gì.

Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo; cũng như được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như vắng mặt không rõ lý do tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, và phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời

trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hui. Từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là bà Lê Thị N có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N là phù hợp với quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tài liệu chứng cứ chứng minh và nghĩa vụ chứng minh:

Theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “1. Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.” Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị L có cung cấp các tài liệu cho rằng là chứng cứ chứng minh, nhưng chỉ là các văn bản có thể hiện chữ viết, chữ số nhưng không rõ nội dung. Theo quy định pháp luật các tài liệu này không đảm bảo điều kiện được xác định là chứng cứ.

Nguyên đơn bà L trình bày bị đơn là bà N có tham gia 03 dây hui do mình làm chủ, bà N đã hót hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết, bà L đã choàng hui cho bà N, đến nay bà N còn nợ bà L tiền hui nên yêu cầu bà N phải trả lại số tiền nợ hui cả ba dây hui đã nêu.

Bà L cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là phù hợp quy định tại các điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L không được Tòa án chấp nhận, nên phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi, không có thu nhập, có đơn xin miễn và được Tòa án chấp nhận nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị N phải trả số tiền nợ hui là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng) trong 03 dây hui (Hui 200.000 đồng, mỗi tuần khai 01 lần, khai lần đầu ngày 11/6/2016 âm lịch; Dây hui 200.000 đồng, mỗi tuần khai 01 lần, khai lần đầu ngày 10/04/2016 âm lịch; và D hui 500.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, khai lần đầu ngày 20/11/2016 âm lịch).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng bà L được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. (Bà L được miễn không phải nộp).

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân